TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 5 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **298**/2017/QĐST-HNGĐ	*Quận 5, ngày 26 tháng 7 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ việc dân sự về Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 223/2017/HNST (TLST-HNGĐ) ngày 16 tháng 6 năm 2017 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", giữa các đương sự:

Người yêu cầu: Ông **Nguyễn Hoàng T,** sinh năm 1979;
Thường trú: Số A đường B, Phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người yêu cầu: Bà **Nguyễn Thị Kiều Tr**, sinh năm 1992;
Thường trú: Số A đường B, Phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào các Điều 149, 212, 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2016;

Căn cứ vào các Điều 357 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117, 118 và 119 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2015;

Căn cứ vào Luật thi hành án dân sự năm 2008;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Thông tư liên tịch số: 01/TTLT ngày 19 tháng 6 năm 1997 của Tòa án nhân dân Tối cao - Viện kiểm sát nhân dân Tối cao - Bộ Tư pháp - Bộ Tài chính hướng dẫn việc xét xử và thi hành án về tài sản;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nêu trên là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (Bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Hoàng T và bà Nguyễn Thị Kiều Tr.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Ông Nguyễn Hoàng T và bà Nguyễn Thị Kiều Tr cùng xác định và cam đoan là có 01 (Một) người con chung tên là Nguyễn Hoàng Gia Ngh, sinh ngày 24 tháng 02 năm 2013, giời tính: Nữ.

Về việc nuôi con: Ông Nguyễn Hoàng T và bà Nguyễn Thị Kiều Tr đã tự nguyện thỏa thuận và đồng ý là giao người con chung tên là Nguyễn Hoàng Gia Ngh cho bà Nguyễn Thị Kiều Tr trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Hoàng T và bà Nguyễn Thị Kiều Tr đã tự nguyện thỏa thuận và đồng ý về việc ông Nguyễn Hoàng T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với số tiền cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng)/ 01 tháng (mỗi tháng ông Nguyễn Hoàng T phải cấp dưỡng nuôi người con tên là Nguyễn Hoàng Gia Ngh với số tiền là 3.000.000 đồng) cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Việc giao nhận tiền cấp dưỡng nuôi con nêu trên sẽ được ông Nguyễn Hoàng T và bà Nguyễn Thị Kiều Tr tự thực hiện hoặc thực hiện tại cơ quan Thi hành án dân sự (Chi cục Thi hành án dân sự) có thẩm quyền vào ngày 10 (Mười) dương lịch hàng tháng và bắt đầu thực hiện kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2017. Nếu ngày giao nhận tiền trùng vào ngày lễ hoặc ngày nghỉ thì sẽ được thực hiện vào ngày kế tiếp theo ngay sau đó.

Trường hợp ông Nguyễn Hoàng T không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con như nêu trên thì bà Nguyễn Thị Kiều Tr có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự (Chi cục Thi hành án dân sự) có thẩm quyền giải quyết.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Nguyễn Thị Kiều Tr, nếu ông Nguyễn Hoàng T không thực hiện hoặc chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản tiền cấp dưỡng nuôi con nêu trên, thì hàng tháng ông Nguyễn Hoàng T còn phải chịu thêm khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả để trả cho bà Nguyễn Thị Kiều Tr theo quy định tại các Điều 357 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

2.2. Về tài sản chung: Ông Nguyễn Hoàng T và bà Nguyễn Thị Kiều Tr cùng xác định và cam đoan là không có tài sản chung, không tranh chấp tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2.3. Về nợ chung và thực hiện nghĩa vụ dân sự chung: Ông Nguyễn Hoàng T và bà Nguyễn Thị Kiều Tr cùng xác định và cam đoan là không có khoản nợ nào chung và không phải thực hiện nghĩa vụ dân sự với ai, không có tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2.4. Về lệ phí: Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự yêu cầu về Hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) do ông Nguyễn Hoàng T và bà Nguyễn Thị Kiều Tr mỗi người phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng). Ông Nguyễn Hoàng T và bà Nguyễn Thị Kiều Tr đã tự nguyện chịu số tiền lệ phí này và được trừ vào số tiền mà ông Nguyễn Hoàng T và bà Nguyễn Thị Kiều Tr đã nộp tạm ứng lệ phí là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AG/2014/0005275 ngày 16 tháng 6 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Nguyễn Hoàng T và bà Nguyễn Thị Kiều Tr đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành (có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2017) và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát ND Quận 5;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 5;
- Ủy ban nhân dân Phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu văn phòng và hồ sơ.

THẨM PHÁN

Lê Minh Tường